

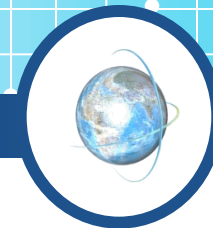
KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

# CHƯƠNG 2

## HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

# NỘI DUNG CHÍNH



Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa

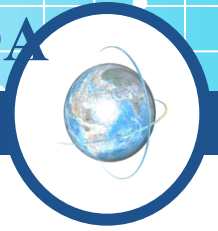
---



Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường

---

# I. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA



## 1. SẢN XUẤT HÀNG HÓA

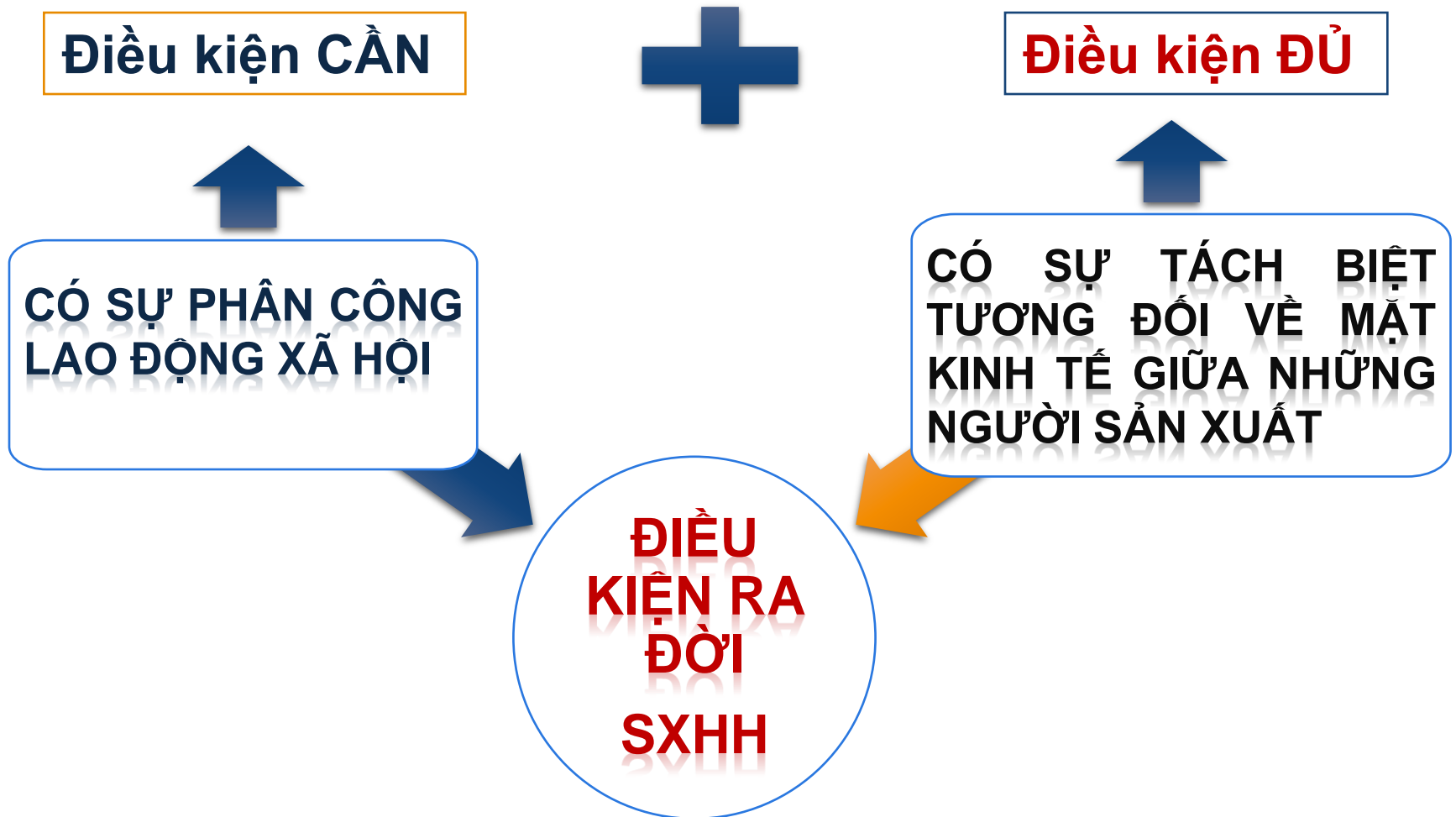
### Khái niệm sản xuất hàng hóa

*Sx hàng hóa Là một kiểu tổ chức kinh tế mà mục đích của những người sản xuất ra sản phẩm là để trao đổi, mua bán trên thị trường*

# 1. SẢN XUẤT HÀNG HÓA



## b) ĐIỀU KIỆN RA ĐỜI CỦA SẢN XUẤT HÀNG HÓA



# ĐIỀU KIỆN RA ĐỜI SXHH



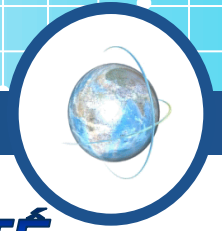
## CÓ SỰ PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG XÃ HỘI:

Phân công lao động XH: là *sự phân chia lao động XH ra các ngành, các lĩnh vực sản xuất khác nhau*, làm cho nền SX XH phân thành nhiều ngành, nhiều nghề khác nhau

*Phân công lao động XH → mỗi người chỉ sản xuất 1 (một vài) SP*

*Nhu cầu tồn tại cần nhiều loại sp → mâu thuẫn (vừa thừa vừa thiếu) → trao đổi sản phẩm cho nhau*

# ĐIỀU KIỆN RA ĐỜI SXHH



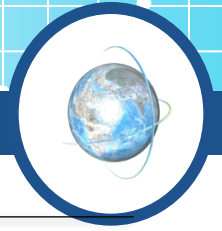
## **CÓ SỰ TÁCH BIỆT TƯƠNG ĐỐI VỀ MẶT KINH TẾ GIỮA NHỮNG NGƯỜI SẢN XUẤT:**

*Những người sản xuất trở thành những chủ thể sản xuất độc lập với nhau, khác nhau về lợi ích => **SP làm ra thuộc quyền sở hữu hoặc do họ chi phối.***

❖ *Nguyên nhân dẫn đến độc lập về kinh tế:*

- + *Chế độ chiếm hữu tư nhân về TLSX*
- + *Có nhiều hình thức sở hữu về TLSX*
- + *Sự tách rời giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng*

*=> Sự tách biệt về kinh tế làm cho **trao đổi mang hình thức là trao đổi hàng hóa***

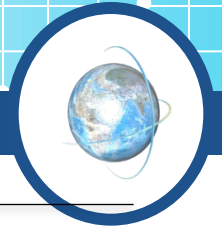


# ƯU THẾ CỦA SẢN XUẤT HÀNG HÓA

Tạo ra khả năng thỏa mãn tối đa các nhu cầu luôn phát triển của con người => không ngừng mở rộng quy mô sản xuất => thúc đẩy sự phát triển của sx HH

Kích thích sự năng động, sáng tạo của con người

Thúc đẩy các quan hệ kinh tế: PCLĐ sâu sắc hơn, giao lưu kinh tế, văn hóa ngày càng phát triển,...=> Xh tiến bộ hơn



# NHƯỢC ĐIỂM CỦA SẢN XUẤT HÀNG HÓA

Sự phân hóa giàu nghèo sâu sắc hơn

---

Ảnh hưởng đến quan hệ xã hội

---

3. Tiềm ẩn khả năng khủng hoảng kinh tế - xã hội, là nguyên nhân dẫn đến nhiều cuộc chiến tranh và tội ác, phá hoại môi trường sinh thái,...

---



## 2. HÀNG HÓA

### A) KHÁI NIỆM HÀNG HÓA VÀ THUỘC TÍNH CỦA HÀNG HÓA

#### \*Khái niệm hàng hóa

*Hàng hóa là SP của lao động, thỏa mãn 1 nhu cầu nào đó của con người, đi vào tiêu dùng thông qua trao đổi, mua và bán*



## 2. HÀNG HÓA



### Phân loại hàng hóa:

- ❖ **Hàng hóa hữu hình** : lương thực, quần áo, tư liệu sản xuất... và **Hàng hóa vô hình**: (hàng hóa, dịch vụ): dịch vụ vận tải, dịch vụ chữa bệnh...
- ❖ **Hàng hóa thông thường và hàng hóa đặc biệt**
- ❖ **Hàng hóa tư nhân và hàng hóa công cộng**

## 2. HÀNG HÓA



**\* Thuộc tính của hàng hóa**



## 2. HÀNG HÓA



❖ *Là công dụng của hàng hóa nhằm thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người:*

Tiêu dùng  
cho cá nhân

Tiêu dùng cho  
sản xuất



GIÁ TRỊ SỬ DỤNG



## 2. HÀNG HÓA



### Đặc trưng

- ✓ GTSD do những *thuộc tính tự nhiên* của vật quy định
- ✓ GTSD được *phát hiện dần* trong quá trình phát triển của tiến bộ KHKT, của LLSX
- ✓ GTSD là *phạm trù vĩnh viễn* .
- ✓ GTSD của hàng hóa là GTSD *xã hội và là cái mang giá trị*

## 2. HÀNG HÓA



Giá trị trao đổi:

*Là một quan hệ về số lượng, thể hiện tỷ lệ trao đổi giữa hàng hóa này với hàng hóa khác*



GIÁ TRỊ

## 2. HÀNG HÓA



*Giá trị của HH là **lao động XH** của người SX  
HH kết tinh trong hàng hóa*

GIÁ TRỊ

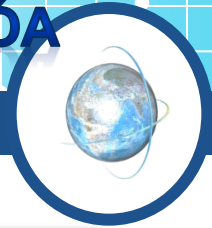
-> Đặc trưng:

- \* Là phạm trù lịch sử
- \* Phản ánh quan hệ giữa người sản xuất HH

*Giá trị trao đổi là hình thức biểu hiện của giá trị, giá trị là nội dung, là cơ sở của giá trị trao đổi*



## B) TÍNH CHẤT HAI MẶT CỦA LAO ĐỘNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA



**LĐ CỤ THỂ**

**LAO  
ĐỘNG SX  
HH**

**LĐ TRỪU TƯỢNG**

- Là **LĐ có ích** dưới một **hình thức cụ thể** của những nghề nghiệp chuyên môn nhất định.
- Tạo ra **GTSD** của HH

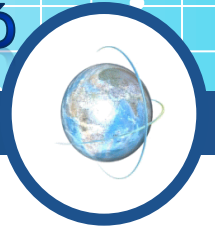
- Là sự tiêu hao sức LĐ của người sx hàng hoá
- Tạo ra giá trị của hàng hóa

**MANG TÍNH TƯ NHÂN**

**MANG TÍNH XÃ HỘI**

**Mâu thuẫn cơ bản của nền sản xuất hàng hoá giản đơn**

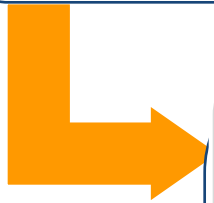




### GIÁ TRỊ HÀNG HÓA

#### CHẤT

- Là LĐ trừu tượng (hao phí SLĐ) kết tinh trong HH



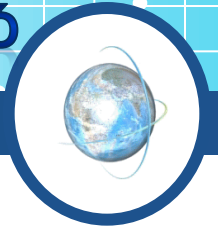
#### LƯỢNG

- Nhiều hay ít là do *lượng LĐ hao phí để Sx ra HH* quyết định (Giờ LĐ, ngày LĐ...)

**Lượng LĐ** được xác định bằng *thời gian LĐ*

*TGLĐ CÁ BIỆT => QĐ lượng GT cá biệt*

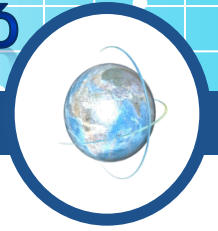
*TGLĐ XÃ HỘI => QĐ lượng GT CỦA HH*



### - Thời gian lao động xã hội cần thiết

*Là thời gian cần thiết để sản xuất hàng hoá, với **trình độ thành thạo trung bình**, cường độ trung bình, trong những **điều kiện bình thường** so với hoàn cảnh XH nhất định.*

Thông thường TGLĐXHCT là thời gian lao động cá biệt của những người ***cung cấp đại bộ phận lượng hàng hóa*** ấy trên thị trường.



### NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI LƯỢNG GIÁ TRỊ

**NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG**



**CƯỜNG ĐỘ LAO ĐỘNG**



**MỨC ĐỘ PHỨC TẠP  
CỦA LAO ĐỘNG**





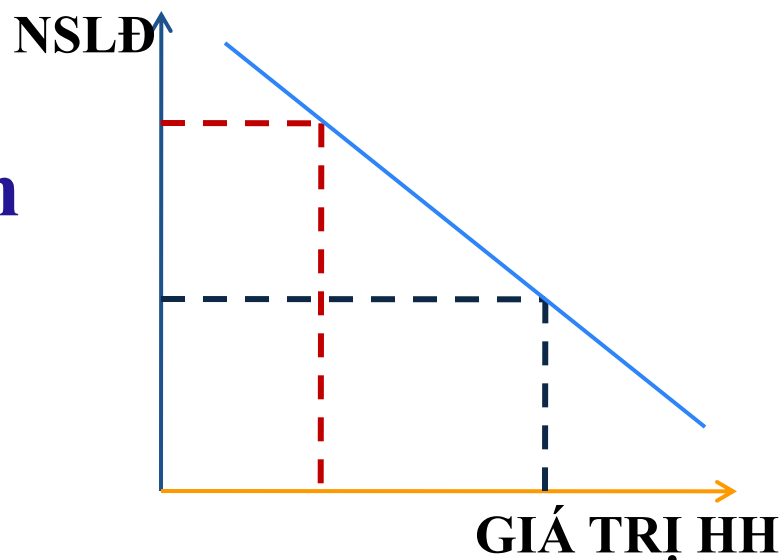
1 **Năng suất lao động** (NSLĐ): *là năng lực sản xuất của người lao động.*

❖ Đo bằng:

➡ Số lượng sản phẩm SX ra trong một đơn vị thời gian.

➡ Số lượng thời gian LĐ cần thiết để Sx ra một đơn vị sản phẩm.

**NSLĐ tăng** → khối lượng sản phẩm tăng → TGLĐXH cần thiết giảm → **lượng giá trị hàng hóa giảm** và ngược lại.





## CƯỜNG ĐỘ LAO ĐỘNG

*Là mức hao phí sức LĐ trong một đơn vị thời gian.*

*Tương đương với:* Độ khẩn trương, nặng nhọc hay căng thẳng của lao động.

Khi **cường độ lao động tăng** → tổng giá trị hàng hóa sản xuất ra trong một đơn vị thời gian tăng lên nhưng **lượng giá trị của một đơn vị hàng hóa không thay đổi.**



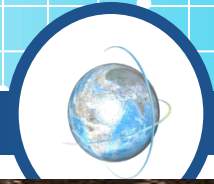
***Tăng cường độ lao động thực chất là kéo dài ngày lao động.***



*Lao động phức tạp là bội số của lao động giản đơn. Trong cùng một đơn vị thời gian, lao động phức tạp tạo ra nhiều giá trị hơn lao động giản đơn.*

Khi trao đổi người ta lấy *lao động giản đơn làm đơn vị tính* và quy tất cả lao động phức tạp thành lao động giản đơn

### 3. TIỀN TỆ



#### a) Nguồn gốc và bản chất của tiền

Hình thái giá trị giản đơn



Hình thái giá trị  
toàn bộ hay mở rộng



Hình thái giá trị chung



Tiền tệ ra đời



*Mác khẳng định: Tiền là kết quả của quá trình phát triển lâu dài của sản xuất và trao đổi hàng hóa. Là sản giá trị từ thấp đến cao.*



## 2. TIỀN TỆ



### BẢN CHẤT CỦA TIỀN TỆ

*Tiền tệ là **hàng hóa đặc biệt** được tách ra làm **vật ngang giá chung** cho tất cả hàng hóa, nó thể hiện lao động xã hội và biểu hiện quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa.*







**Chức  
năng  
của  
tiền**

**Thước đo giá trị**

---

**Phương tiện lưu thông**

---

**Phương tiện cất trữ**

---

**Phương tiện thanh toán**

---

**Tiền tệ thế giới**

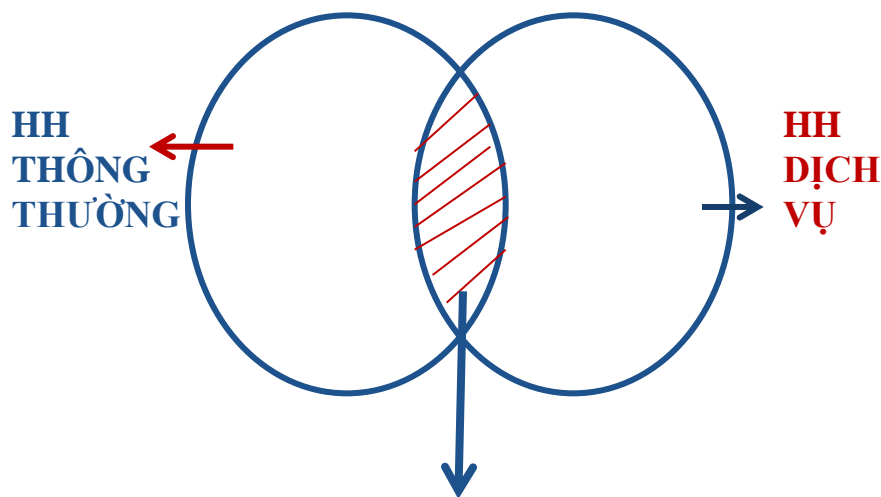
---

#### 4. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố hàng hóa thông thường ở điều kiện hiện nay



##### a) Dịch vụ

*Dịch vụ là một loại hàng hóa - hàng hóa vô hình*



- Hao phí sức lao động
- Nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người
- Qua trao đổi, mua bán



## ***b) quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố hàng hóa thông thường ở điều kiện hiện nay***



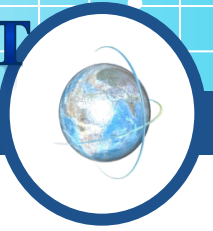
Nền sản xuất HH ngày nay được hình thành trên quan hệ mua bán nhiều yếu tố không hoàn toàn do lao động hao phí mà có. Những yếu tố này được coi là hàng hóa đặc biệt

Tính đặc biệt thể hiện: chúng có đặc trưng như giá trị sử dụng, có giá cả, có thể trao đổi, mua bán nhưng lại không do hao phí lao động trực tiếp tạo ra như các hàng hóa thông thường khác

Khi xuất hiện hiện tượng trao đổi, mua bán các hàng hóa đặc biệt, như vậy nhiều người ngộ nhận rằng lý luận về hàng hóa của Mác không còn phù hợp. Thực chất do họ chưa phân biệt được hàng hóa và những yếu tố có tính hàng hóa. Quyền sử dụng đất đai, thương hiệu, chứng khoán... là một số yếu tố diễn hình trong số đó

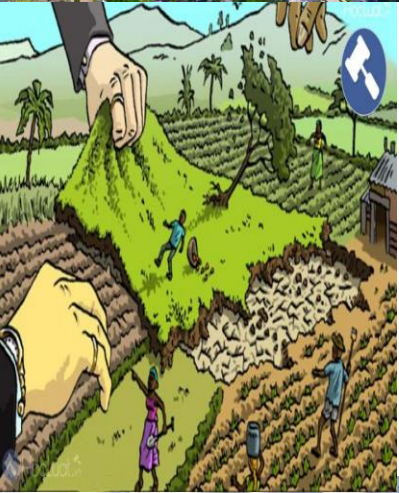


# QUAN HỆ TRAO ĐỔI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT



Đất đai là 1 phần của vỏ quả địa cầu

=> **Không phải là kết quả của hao phí sức lao động**



- **Trong sản xuất:** đối tượng lao động
- **Trong tiêu dùng:** tư liệu tiêu dùng

**GIÁ TRỊ SỬ DỤNG**





## ĐẤT ĐAI?

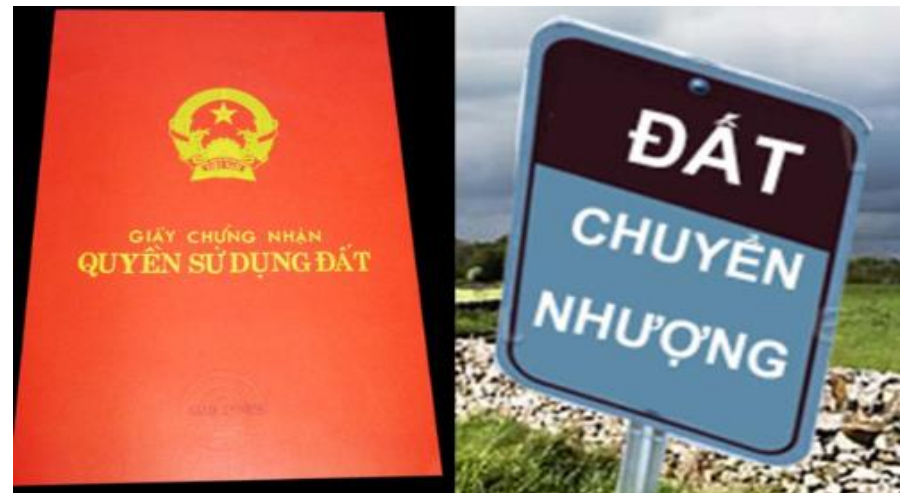
### GIAO DỊCH MUA BÁN ĐẤT ĐAI

**Thực chất:** mua – bán QUYỀN SỬ DỤNG 1 mảnh vỏ địa cầu (đất, mặt nước, mặt biển, sông, hồ,...)

**Mục đích:** phân định quyền sử dụng mảnh vỏ địa cầu đó với người khác

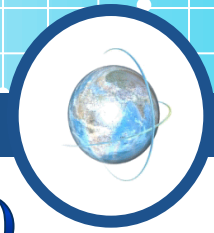


**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT  
CÓ TÍNH HÀNG HÓA**



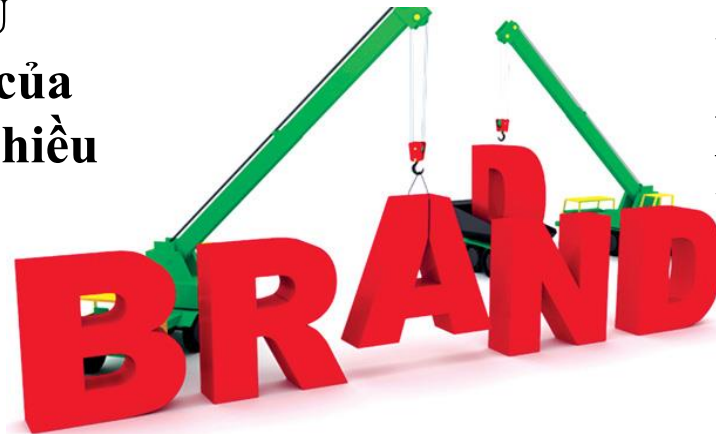


# \*QUAN HỆ TRONG TRAO ĐỔI THƯƠNG HIỆU



## THƯƠNG HIỆU (DANH TIẾNG)

- KHÔNG PHẢI TỰ NHIÊN MÀ CÓ
- LÀ KẾT QUẢ CỦA SỰ HAO PHÍ SLD CỦA NGƯỜI NẮM GIỮ THƯƠNG HIỆU (của nhiều người, qua nhiều thời gian)

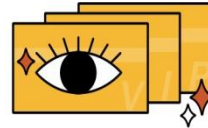


Thương hiệu là tên gọi, thuật ngữ, thiết kế, hình tượng hoặc các dấu hiệu khác giúp phân biệt một tổ chức hoặc một sản phẩm với đối thủ trong mắt của người tiêu dùng

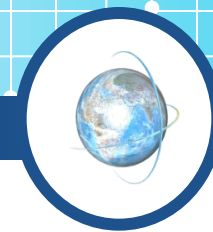
*Theo Wikipedia*



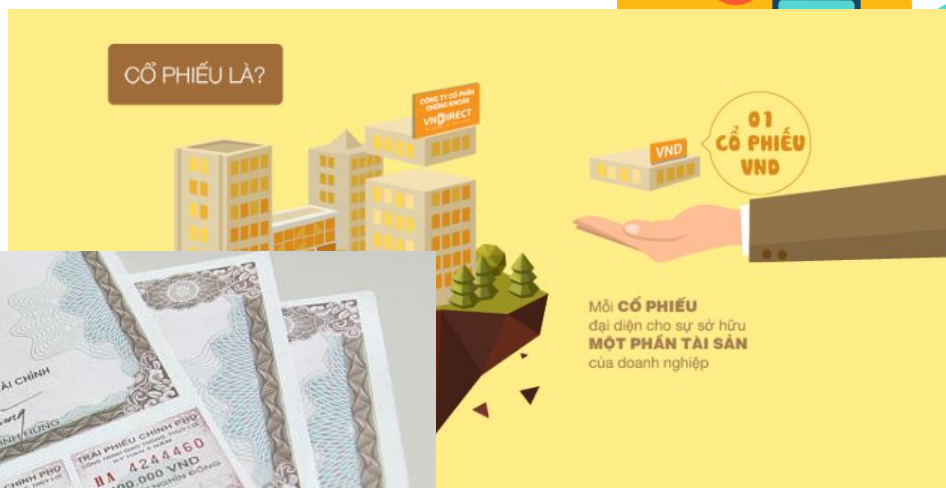
THƯƠNG HIỆU CÁ NHÂN  
TẮM THẺ VIP QUYỀN LỰC



# \*QUAN HỆ TRONG TRAO ĐỔI, MUA BÁN CHỨNG KHOÁN VÀ MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ GIÁ



## CHỨNG KHOÁN VÀ MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ GIÁ



Mỗi **CỔ PHIẾU**  
đại diện cho sự sở hữu  
**MỘT PHẦN TÀI SẢN**  
của doanh nghiệp

## II. THỊ TRƯỜNG VÀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG



1.

Khái niệm thị trường, phân loại và vai trò của thị trường

---

2.

Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường

---



trường

## a) Khái niệm thị trường và phân loại thị trường



Phòng giao dịch

\*KHÁI NIỆM TT NGHĨA HỢP Chợ



*Thị trường là nơi diễn ra hành vi trao đổi, mua bán hàng hóa giữa các chủ thể kinh tế với nhau*



Cửa hàng



Siêu thị



Quầy hàng lưu động



## NGHĨA RỘNG

Thị trường là *tổng hòa các mối quan hệ* liên quan đến *trao đổi, mua bán hàng hóa* trong xã *hội*, được hình thành do những điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội nhất định.



➡ *Thị trường là tổng thể các mối quan hệ kinh tế, các yếu tố kinh tế được vận động theo quy luật của thị trường*



# \*PHÂN LOẠI THỊ TRƯỜNG



## CC vào đối tượng HH

- TT tư liệu sản xuất
- TT tư liệu tiêu dùng

## CC vào phạm vi hoạt động

- TT trong nước
- TT thế giới

## Cc vào đầu vào và đầu ra của QTsx

- TT các yếu tố đầu vào
- TT HH đầu ra

## CC vào tính chuyên biệt của TT

- TT công nghệ
- TT sức lao động
- TT chứng khoán,...

## CC vào tính chất và cơ chế vận hành

- TT tự do
- TT có điều tiết
- TT độc quyền

## b)VAI TRÒ CỦA THỊ TRƯỜNG



TT vừa là điều kiện,  
vừa là môi trường cho  
sản xuất phát triển



**TT là nơi quan trọng  
để đánh giá, kiểm  
định năng lực của  
các chủ thể kinh tế**



TT là thành tố gắn kết nền  
KT thành 1 chỉnh thể (từ  
sản xuất, phân phối, lưu  
thông, trao đổi, tiêu dùng);  
gắn nền Kt trong nước với  
nền KT thế giới





## CHỨC NĂNG CHỦ YẾU CỦA THỊ TRƯỜNG

1

- Thừa nhận GT và GTSD của HH



Khi Sp được tiêu thụ trên TT  
- Thừa nhận công dụng (tính có ích) của HH  
- Thừa nhận chi phí lao động để sản ra HH

2

- Thực hiện GT của HH



Thông qua trao đổi, mua bán trên TT, người mua và người bán thực hiện được mục đích của mình

3

- Cung cấp thông tin cho các chủ thể KT, điều tiết và kích thích hoạt động đổi mới



TT cung cấp thông tin về tình hình cung – cầu, biến động của nền KT,...=> giúp Các chủ thể đưa ra quyết định



# CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG



Theo các nhà Kinh tế học: cơ chế thị trường là tổng thể các nhân tố quan hệ (cung, cầu, giá cả và thị trường), môi trường, động lực và quy luật chi phối sự vận động của thị trường.



**A.Smith đã ví cơ chế thị trường như “bàn tay vô hình”**

Cơ chế thị trường là **cơ chế tự vận động của thị trường** theo quy luật nội tại vốn có của nó.

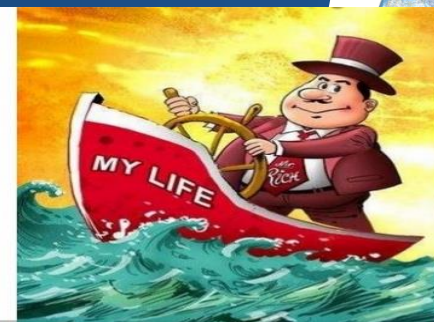


**LÀ PHƯƠNG THỨC CƠ BẢN ĐỂ PHÂN PHỐI VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN, SLĐ, TÀI NGUYÊN,.. HIỆU QUẢ**



## a) NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

*Nền kinh tế thị trường là nền KT vận hành theo cơ chế thị trường*



Nền kinh tế thị trường là **nền KT hàng hóa phát triển ở trình độ cao** ở đó mọi quan hệ sản xuất và trao đổi đều được thông qua thị trường, chịu sự tác động, điều tiết của các QL hoạt động trên thị trường

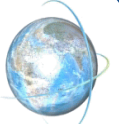
KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

KT HÀNG HÓA

KT TỰ NHIÊN TỰ CUNG TỰ CẤP



# ĐẶC TRƯNG PHỔ BIẾN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

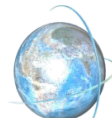


## ĐẶC TRƯNG CỦA KTTT

- 1 Các chủ thể KT tồn tại độc lập dưới nhiều hình thức sở hữu khác nhau.
- 2 Thị trường đóng vai trò quyết định việc phân bổ các nguồn lực XH
- 3 Giá cả được hình thành trên cơ sở giá trị HH và QH cung – cầu, mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Cạnh tranh vừa là môi trường, vừa là động lực.
- 4 Động lực quan trọng nhất là lợi ích kinh tế
- 5 Nhà nước là chủ thể của nền kinh tế, quản lý toàn bộ nền KT
- 6 KTTT là nền KT mở



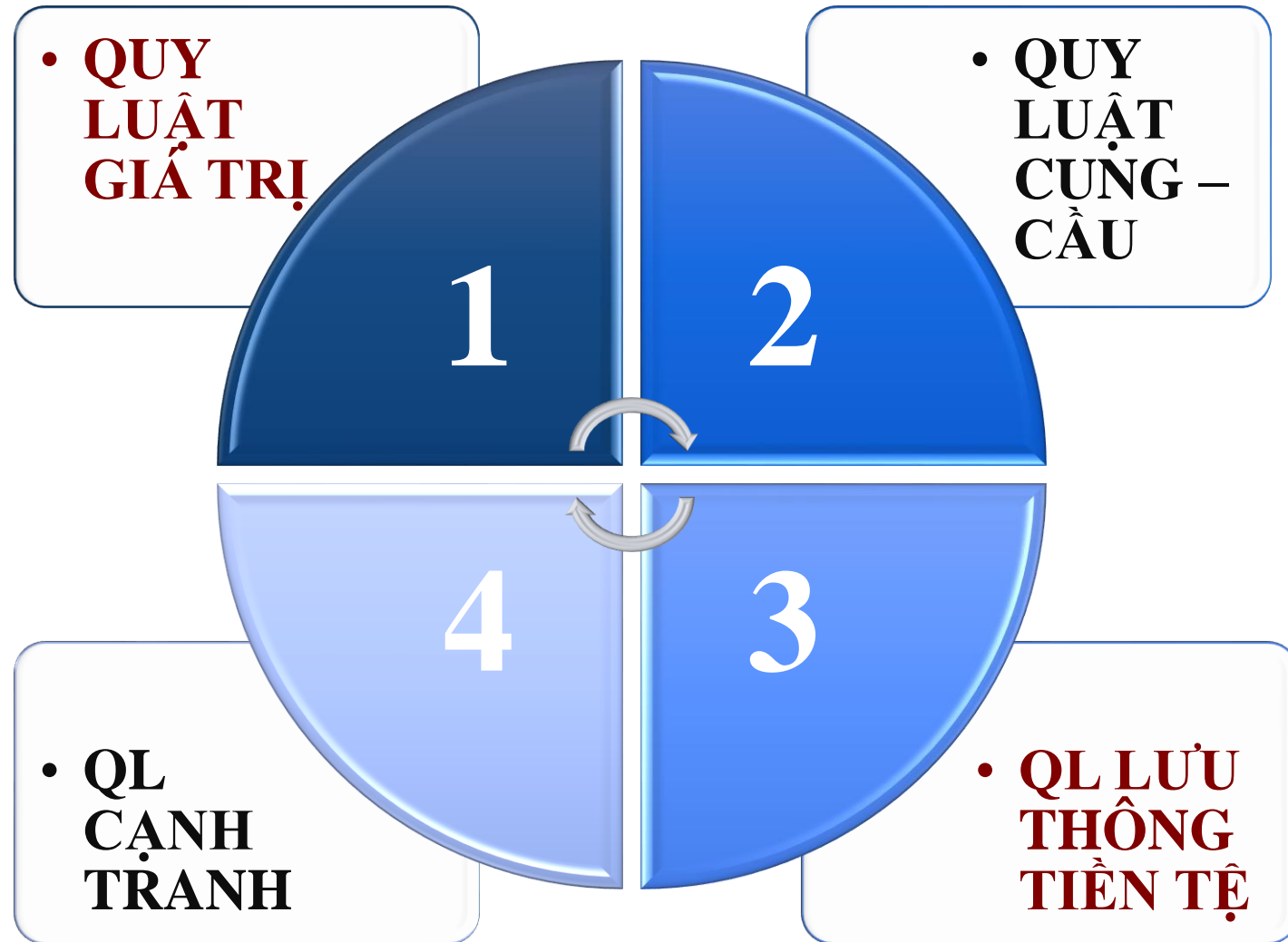
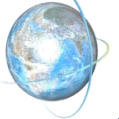
# NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG



## THẢO LUẬN NHÓM



## B) MỘT SỐ QUY LUẬT CHỦ YẾU TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG



# \*QUY LUẬT GIÁ TRỊ

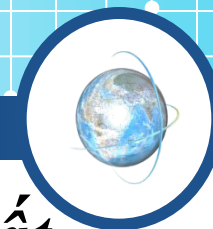


Quy luật giá trị là **quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hoá**. Ở đâu có sản xuất và trao đổi hàng hoá thì ở đó có quy luật giá trị hoạt động và tác động, chi phối.

Là QL chi phối cơ chế thị trường và các QL kinh tế khác



# QUY LUẬT GIÁ TRỊ



*Nội dung: Quy luật giá trị yêu cầu việc sản xuất và trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở **hao phí lao động xã hội cần thiết**.*

Hướng người sản xuất giảm hao phí lao động cá biệt  
**bằng hoặc thấp hơn** mức hao phí lao động xã hội cần thiết.

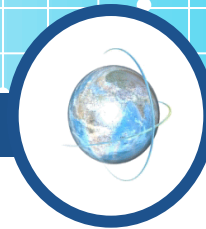
**Trong sản xuất**



**THEO  
NGUYÊN  
TẮC NGANG  
GIÁ (cơ sở là  
GT xã hội)**

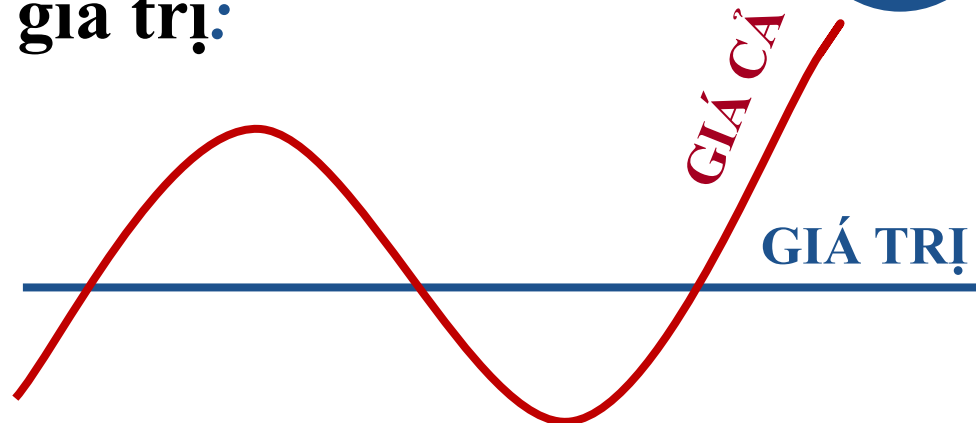
**Trong trao đổi**

# QUY LUẬT GIÁ TRỊ



Cơ chế tác động của QL giá trị:

*Giá cả thị trường lên xuống xoay quanh giá trị HH.*

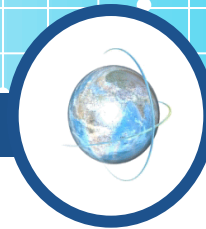


TOÀN XH: Tổng giá cả HH = Tổng giá trị HH

Cơ chế tác động của quy luật giá trị phát sinh tác dụng trên thị trường thông qua **cạnh tranh, cung cầu, sức mua của đồng tiền...** làm cho các chủ thể kinh tế và nền kinh tế vận động phát triển



# QUY LUẬT GIÁ TRỊ



## TÁC ĐỘNG CỦA QUY LUẬT GIÁ TRỊ

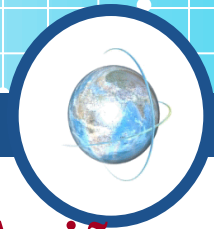
**Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa thông qua sự biến động của giá cả thị trường.**

**Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.**

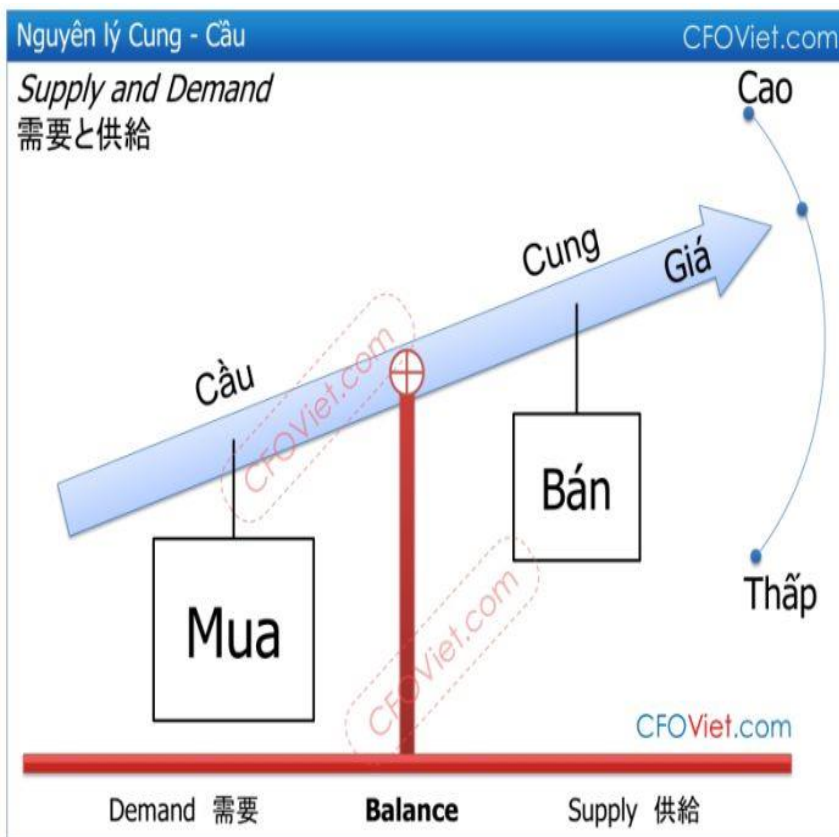
**Phân hóa những người sản xuất thành giàu nghèo**



# \* QUY LUẬT CUNG CẦU



Quy luật cung cầu là QL kinh tế *điều tiết quan hệ giữa cung và cầu hàng hóa trên thị trường* => đòi hỏi cung – cầu phải thống nhất (nếu không thống nhất sẽ xuất hiện các nhân tố điều chỉnh)



## VAI TRÒ

Điều tiết quan hệ giữa Sx và lưu thông HH

Làm biến đổi cơ cấu và dung lượng thị trường

Quyết định giá cả thị trường

# \* *QUY LUẬT LƯU THÔNG TIỀN TỆ*



Theo C.Mác, để thực hiện chức năng phương tiện lưu thông, ở mỗi thời kì cần phải đưa vào lưu thông một số lượng tiền tệ thích hợp. Số lượng tiền cần cho lưu thông hàng hóa được xác định theo một quy luật là quy luật lưu thông tiền tệ.

Lưu thông tiền tệ và cơ chế lưu thông tiền tệ do cơ chế lưu thông hàng hóa quyết định. Số lượng tiền được phát hành và đưa vào lưu thông phụ thuộc vào khối lượng hàng hóa được đưa ra thị trường.

Khi tiền giấy ra đời, thay thế tiền vàng trong thực hiện chức năng phương tiện lưu thông đã làm xuất hiện khả năng tách rời lưu thông hàng hóa với lưu thông tiền tệ. Tiền giấy bản thân nó không có giá trị mà chỉ là kí hiệu giá trị. Nếu tiền giấy được phát hành quá nhiều, vượt quá lượng tiền vàng cần thiết cho lưu thông mà tiền giấy là đại diện, sẽ làm cho tiền giấy bị mất giá trị, giá cả và hàng hóa tăng lên dẫn đến lạm phát. Bởi vậy, nhà nước không thể in và phát hành tiền giấy một cách tùy tiện mà phải tuân theo quy luật lưu thông tiền tệ.

# \*QUY LUẬT CẠNH TRANH



Cạnh tranh là *sự ganh đua* giữa những chủ thể KT với nhau nhằm *có được những ưu thế về sản xuất cũng như tiêu thụ* và thông qua đó thu được lợi ích tối đa



LUẬT CẠNH TRANH

QL cạnh tranh là QL KT *điều tiết một cách khách quan mối quan hệ ganh đua KT* giữa những chủ thể KT trong sản xuất và trao đổi HH

VAI TRÒ



**Một**

Thúc đẩy  
sự tiến bộ  
(KHCN,  
LLSX,...)



**Hai**

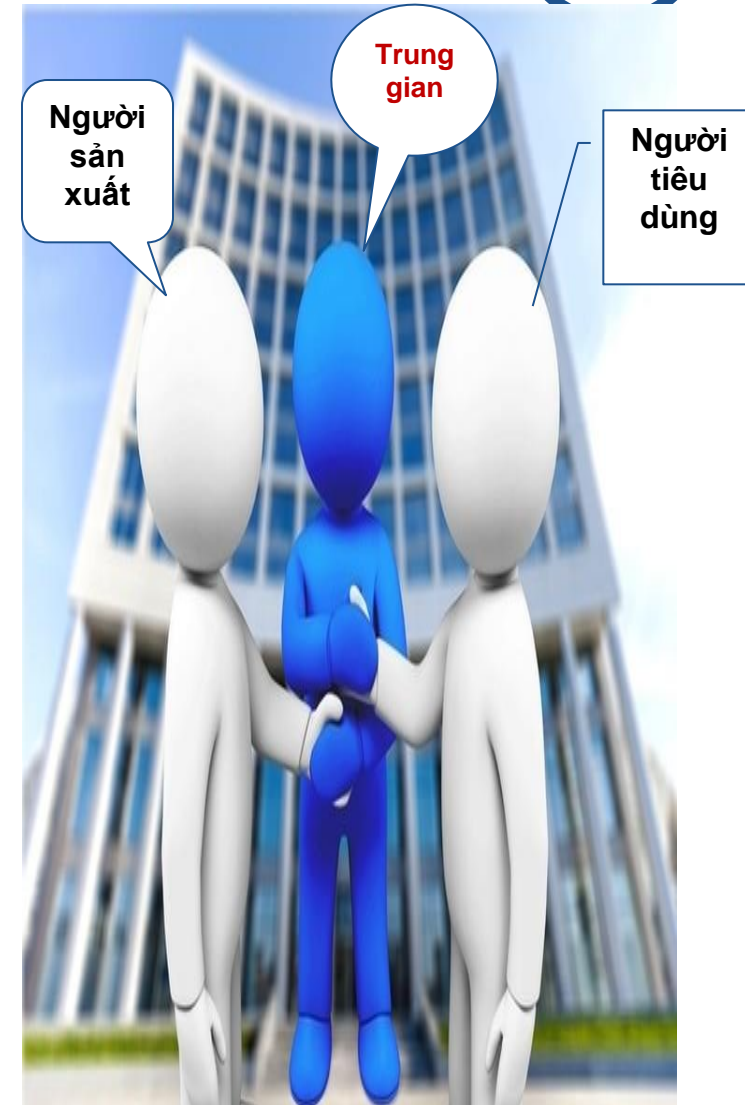
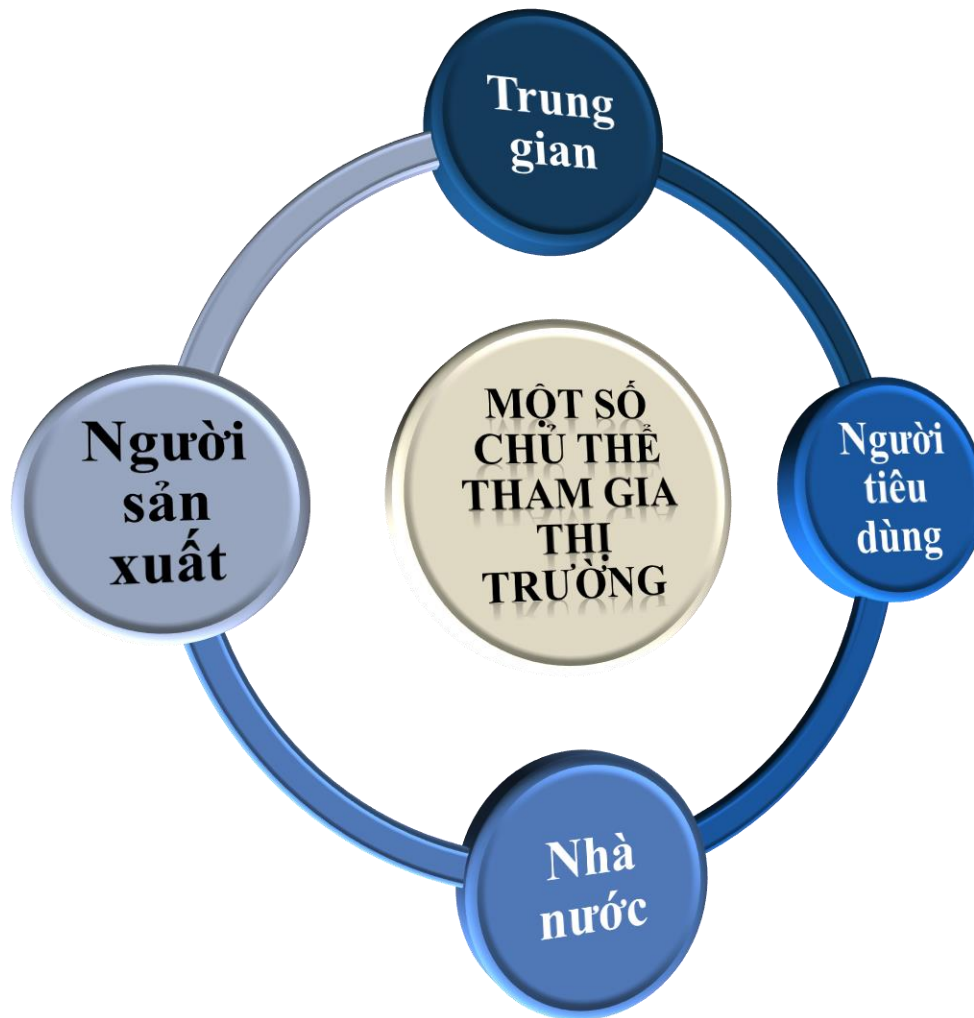
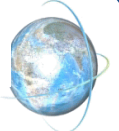
Buộc  
người SX  
phải năng  
động,  
nhảy  
bén,..



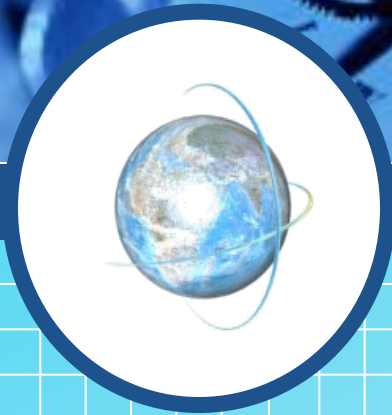
**Ba**

Phân hóa  
người SX,  
gây rối,  
phá hoại  
TT

## II. VAI TRÒ CỦA MỘT SỐ CHỦ THỂ CHÍNH THAM GIA THỊ TRƯỜNG



LOGO



**THANK YOU !**